ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT – HÀN

Số: 933 /BC-ĐHVH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Về kết quả thực hiện công khai các hoạt động năm học 2023 – 2024 và kế hoạch thực hiện công khai năm học 2024 – 2025 của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống quốc dân được quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn báo cáo kết quả thực hiện công khai các nội dung thuộc hoạt động của Nhà trường trong năm học 2023 – 2024 và đưa ra kế hoạch thực hiện công khai năm học 2024 – 2025 như sau:

I. Kết quả thực hiện công khai năm học 2023 – 2024

1. Hình thức công khai

- Công khai các thông tin theo quy định trên website của Nhà trường tại địa chỉ: http://vku.udn.vn/cong-khai-nam-hoc

- Ban hành văn bản gửi đến tất cả các đơn vị thuộc/trực thuộc Trường.

2. Nội dung công khai

2.1. Về công khai cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng giáo dục thực tế

2.1.1. Cam kết chất lượng đào tạo (biểu mẫu 17)

Nhà trường đã công khai đầy đủ thông tin về đối tượng tuyển sinh, mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được theo từng ngành học; các chính sách hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt của sinh viên, chương trình đào tạo mà nhà trường đang thực hiện.

2.1.2. Chất lượng giáo dục thực tế (biểu mẫu 18)

- Kết quả học tập của sinh viên được công khai trên trang cá nhân trong phần mềm quản lý của nhà trường.

- Có 112 sinh viên khóa 17 tốt nghiệp trong năm 2021 2022, trong đó có 14,29% sinh viên đạt loại giỏi, 70,54% sinh viên đạt loại khá và 15,18% sinh viên đạt loại trung bình.

- Nhà trường đã xây dựng đề án tuyển sinh năm học 2023 – 2024 theo quy định, trong đó công khai đầy đủ thông tin về chỉ tiêu tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên của Nhà trường.

- Trong số 112 sinh viên tốt nghiệp của khóa 17, khối ngành III có 10,71% tốt nghiệp đạt loại giỏi, 82,14% tốt nghiệp đạt loại khá; khối ngành V có 15,48% tốt nghiệp đạt loại giỏi, 66,67% tốt nghiệp đạt loại khá.

- Công bố tỉ lệ sinh viên khóa 17 (khóa đầu tiên) ra trường có việc làm (dữ liệu sau 12 tháng tốt nghiệp): khối ngành III có 100% , khối ngành V có 95,78% có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp

- Công khai các môn học của từng ngành/chuyên ngành học của các khóa K18, K19, K20, K21, K22; giảng viên giảng dạy từng lớp học phần theo sự phân công của các Khoa trong phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường.

- Về nghiên cứu khoa học: trong năm học nhà trường đã hoàn thành nghiệm thu 13 đề tài NCKH cấp cơ sở, thực hiện 15 đề tài NCKH của sinh viên

- Trong năm học 2022 – 2023, Nhà trường đã tổ chức cho 295 sinh viên thực hiện đồ án tốt nghiệp; 01 hội thảo lần thứ 12 về Công nghệ thông tin và ứng dụng CITA và 01 hội nghị quốc tế về các công nghệ tiên tiến cho truyền thông ATC

- Nhà trường đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT các ngành Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh và Công nghệ kỹ thuật máy tính. Công tác hoàn thiện hồ sơ minh chứng và các khâu chuẩn bị phục vụ công tác đánh giá ngoài đang được nhà trường đốc thúc triển khai và trong thời gian đến sẽ triển khai kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

2.2. Về công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

2.2.1. Về cơ sở vật chất (biểu mẫu 19)

- Nhà trường không ngừng đầu tư, xây dựng (giảng đường, phòng học, ký túc xá, ...) và mua sắm trang thiết bị dạy học nhằm phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH.

- Thực hiện đúng các quy định về quản lý tài sản của Nhà nước, đảm bảo an toàn tài sản, không để hiện tượng mất mát tài sản, kịp thời phát hiện hư hỏng về tài sản để khắc phục sửa chữa.

2.2.2. Về đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý (biểu mẫu 20)

- Tổng số cán bộ, viên chức và người lao động của Nhà trường tính đến ngày 30/6/2023 là 217 người, trong đó có 123 giảng viên, trợ giảng (chiếm 56,7%), 94 cán bộ, viên chức quản lý và phục vụ (chiếm 43,32%); số lượng cán bộ, viên chức có trình độ từ thạc sĩ trở lên là 149 người (chiếm 68,67%). Tổng số cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Trường là 35 người

- Tỉ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi đối với khối ngành III là 27,4, khối ngành V là 41,8

2.3. Về công khai thu chi tài chính

Trong năm học 2021 – 2022, Nhà trường ban hành quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với thực tiễn hoạt động của Nhà trường và các quy định chỉ đạo của Đại học Đà Nẵng và các cấp cao hơn.

Một số chi tiêu tài chính dự kiến trong năm học 2023 – 2024 của nhà trường:

- Nguồn thu từ ngân sách: 25 tỷ đồng

- Nguồn thu từ học phí: 54,378 tỷ đồng

- Từ nguồn hợp pháp khác: 4,542 tỷ đồng

3. Đánh giá

3.1. Ưu điểm

- Nhà trường đã thực hiện công bố công khai đầy đủ các nội dung và đảm bảo tính kịp thời theo đúng quy định.

- Các đơn vị chức năng đã tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả và đạt được kết quả các nội dung, kế hoạch đã được cấp trên phê duyệt.

3.2. Một số hạn chế

- Hoạt động ở một số lĩnh vực đã được đẩy mạnh, tuy nhiên vẫn chưa tương xứng với tiềm năng hiện có của Nhà trường.

- Công tác phối hợp giữa một số đơn vị trong quá trình thực hiện công khai nhịp nhàng hơn tuy nhiên vẫn còn một số bộ phận còn chậm tiến độ báo cáo.

II. Kế hoạch thực hiện quy chế công khai năm học 2024 – 2025

1. Nội dung công khai

1.1. Về công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

- Xây dựng và công bố Đề án tuyển sinh năm 2024 trước tháng 3 năm 2024.

- Thực hiện công bố các thông tin theo quy định tại biểu mẫu 17.

- Công bố CTĐT của tất cả các chuyên ngành đã được rà soát chỉnh sửa và xây dựng mới.

- Công bố thông tin về đồ án khóa luận tốt nghiệp thực hiện trong năm học 2023 – 2024.

- Công bố tỉ lệ sinh viên khóa 18 ra trường có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp.

- Tổ chức đào tạo theo đúng tiến độ kế hoạch đào tạo các ngành/chuyên ngành theo kế hoạch của từng khóa học.

- Thực hiện công bố các thông tin theo quy định tại biểu mẫu 18.

- Công khai giảng viên giảng dạy các học phần thông qua lịch phân công giảng dạy theo quy định.

- Rà soát, lấy ý kiến các bên liên quan, điều chỉnh CTĐT phù hợp với nhu cầu của người học và nhu cầu của nhà sử dụng lao động.

- Công khai các giáo trình, tài liệu do CBGV trong trường biên soạn đã được nghiệm thu năm học 2023 – 2024

- Rà soát, ra quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn khóa luận thực tập tốt nghiệp năm học 2023 – 2024 theo đúng quy chế và công bố công khai.

- Công khai danh sách khóa luận tốt nghiệp thực hiện trong năm học 2023 – 2024

- Công khai các đề tài NCKH đã thực hiện trong năm học 2023 – 2024

- Hoàn thành kiểm định chất lượng 3 CTĐT ngành Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin và Công nghệ kỹ thuật máy tính và triển khai theo kế hoạch hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

1.2. Về công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

1.2.1. Cơ sở vật chất

- Cập nhật cơ sở vật chất mới (khu giảng đường, phòng học, phòng chuyên môn, khu ký túc xá, nhà tập đa năng), trang thiết bị dạy học nhằm phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH năm học 2023 – 2024.

- Thực hiện công khai theo biểu mẫu 19.

1.2.2. Đội ngũ giảng viên

- Cập nhật kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng viên năm học 2023 – 2024

- Thực hiện công khai thông tin đội ngũ giảng viên theo biểu mẫu 20.

1.3. Về công khai thu chi tài chính

- Thực hiện thông báo và thu học phí năm học 2023 – 2024 theo đúng quy định.

- Công khai dự toán ngân sách và quyết toán ngân sách theo đúng quy định.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Hình thức công khai

- Công khai các thông tin theo quy định trên website của trường tại địa chỉ http://vku.udn.vn/cong-khai-nam-hoc

- Ban hành văn bản gửi đến tất cả các đơn vị thuộc/trực thuộc Trường

2.2. Nhiệm vụ các đơn vị

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao các đơn vị triển khai xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công bố công khai các nội dung theo quy định và đúng tiến độ.

- Có kế hoạch hành động để khắc phục những hạn chế của năm học 2022 – 2023, triển khai thực hiện đúng kế hoạch năm học 2023 – 2024.

- Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục là đơn vị đầu mối thực hiện theo dõi, đôn đốc các đơn vị trong Trường triển khai các nội dung công khai theo quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HT, PHT (để b/c);
- Ban ĐBCLGD – ĐHĐN (để b/c);
- Các đơn vị thuộc/trực thuộc trường;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TS. Trần Thế Sơn

Biểu mẫu 17

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2023-2024

Ngành Quản trị kinh doanh

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	1. Tốt nghiệp trung học phổ thông; 2. Đăng ký xét tuyển vào ngành QTKD của trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt-Hàn theo đúng các phương thức và tổ hợp xét tuyển quy định; 3. Có điểm bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển theo các phương thức và tổ hợp môn xét tuyển của ngành QTKD của trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt – Hàn.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	**1. Mục tiêu chung:** Đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và năng lực nghiên cứu tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe, đáp ứng tốt nhu cầu lao động trong thời kỳ hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. **2. Mục tiêu cụ thể:** Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng đào tạo những cử nhân ngành Quản trị kinh doanh: **PO1:** Có đạo đức tốt để làm việc và có ích cho cộng đồng. **PO2:** Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kiến thức toàn diện và chuyên sâu về quản lý hoạt động kinh doanh như marketing, thương mại điện tử, tài chính và khởi nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế số. **PO3:** Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ để giải quyết các yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh. **PO4A (QT TMĐT):** Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Thương mại điện tử, nắm vững nghiệp vụ quản lý, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin phục vụ phát triển nghề nghiệp. **PO4B (Digital Marketing):** Có kiến thức chuyên sâu về marketing, digital marketing; có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ digital marketing để giải quyết các tình huống kinh doanh cụ thể cũng như xây dựng, triển khai, đo lường và đánh giá hiệu

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
		quả chiến lược marketing trong nền kinh tế số. **PO4C (Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số):** Có khả năng thực hiện, quản lí, điều hành và giám sát các nghiệp vụ cơ bản trong các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch & các đơn vị dịch vụ khác; xây dựng và thực hiện các chiến lược marketing du lịch, phát triển tuyến điểm du lịch, quản trị điểm đến, quản lý dịch vụ du lịch hiệu quả trên nền tảng số. **PO4D (Quản trị E-logistics và chuỗi cung ứng số):** Có khả năng thực hiện, quản lí, điều hành và giám sát các nghiệp vụ chuyên sâu trong hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Phát triển năng lực khởi nghiệp & đổi mới sáng tạo, khả năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề về chuyên môn và xã hội. **PO4E (Quản trị dự án CNTT):** Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị dự án Công nghệ thông tin, nắm vững nghiệp vụ quản lý, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin phục vụ phát triển nghề nghiệp. **PO4F (Quản trị tài chính số):** Có kiến thức chuyên sâu về tài chính, công nghệ tài chính; có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ tài chính, ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các tình huống kinh doanh cụ thể cũng như ứng dụng các công nghệ blockchain, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo…có thể đổi mới trong hoạt động tài chính trong bối cảnh nền kinh tế số.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	Nhà trường có chính sách hỗ trợ học tập như cấp học bổng, khen thưởng theo các đối tượng tuyển sinh vào Trường được thể hiện trong đề án tuyển sinh
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn (Đại học Đà Nẵng) về đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ. Chương trình này được định kỳ xem xét rà soát, hiệu chỉnh hằng năm nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và phù hợp với nhu cầu xã hội.
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sinh viên theo học ngành QTKD được trang bị những kiến thức cần thiết để có thể tự khởi nghiệp cũng như theo học các bậc học cao hơn về lĩnh vực QTKD ở các trường trong và ngoài nước.
VI	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	Sinh viên Ngành QTKD được đào tạo và chuẩn bị để có khả năng và cơ hội hoạt động như là những chuyên viên thực hiện các công việc: **** Quản trị Thương mại điện tử*** 1. Trợ lý thương mại điện tử.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
		2. Nhân viên/chuyên viên thương mại điện tử. 3. Chuyên viên tiếp thị thương mại điện tử. 4. Nhân viên nội dung thương mại điện tử. 5. Biên tập viên thương mại điện tử. 6. Chuyên viên phân tích tiếp thị thương mại điện tử. 7. Chuyên viên phân tích thương mại điện tử. 8. Quản lý sản phẩm trực tuyến. **** Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing)*** Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing) có thể làm các công việc đa dạng như: ▪ Triển khai các chiến dịch quảng bá và xây dựng thương hiệu qua các công cụ Digital Marketing. ▪ Xây dựng chiến lược Marketing cho sản phẩm, lĩnh vực của công ty trên các phương tiện truyền thông kỹ thuật số. ▪ Lập kế hoạch, điều phối, phối hợp với Content Marketing để phát triển các kênh Marketing Online đảm bảo mục tiêu. ▪ Lập kế hoạch SEO, SEM, Google Adwords; tối ưu hóa thứ hạng của Website trên các trang tìm kiếm. ▪ Thu thập, phân tích thông tin thị trường, thông tin về sản phẩm, thông tin về các chương trình Digital Marketing, social media để đánh giá hiệu quả. Với những vị trí công việc chuyên sâu như: ▪ Chuyên viên/ nhà quản trị marketing số. ▪ Chuyên viên/ nhà quản trị marketing nội dung số ▪ Nhà quản lý và tư vấn DN về marketing số ▪ Chuyên viên/nhà quản trị phát triển SEO, SEM ▪ Nhà phân tích chiến dịch marketing ▪ Chuyên gia marketing truyền thông xã hội ▪ Nhà nghiên cứu thị trường trong môi trường số ▪ Chuyên viên/ nhà quản trị thương hiệu ▪ Chuyên viên/ nhà quản trị truyền thông trong môi trường số . ▪ Nhân viên/ nhà quản trị bán hàng và marketing trực tuyến (Sales & marketing online) ▪ Chuyên viên/nhà quản trị quan hệ khách hang ▪ Giảng dạy, nghiên cứu về digital marketing tại các trường đại học, cao đẳng **** Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số*** Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sẽ đảm nhận được các vị trí:

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
		- Nhân viên tác nghiệp, quản lý, giám sát, điều hành ở các bộ phận trực tiếp cung ứng dịch vụ, chuyên viên trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành, lưu trú, vui chơi giải trí trong phạm vi quốc gia và quốc tế… - Chuyên viên các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và lữ hành, các tổ chức phi Chính phủ về Du lịch lữ hành, lưu trú du lịch trong phạm vi quốc gia và quốc tế. - Khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ lữ hành. **** Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số*** Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị logistics và chuỗi cung ứng sẽ đảm nhận được các vị trí công việc cụ thể sau: - Làm việc và thăng tiến nghề nghiệp trong cơ quan quản lý Nhà nước về kinh doanh, các viện nghiên cứu, các cơ sở kinh doanh trong và ngoài nước liên quan đến lĩnh vực Logistics & Chuỗi cung ứng - Khởi nghiệp và thành đạt trong kinh doanh trong lĩnh vực Logistics & chuỗi cung ứng - Chuyên viên bộ phận dịch vụ và quản lý, giải pháp công nghệ Logistics và chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp thương mại dịch vụ, sản xuất, vận hành; triển khai và quản lý các dự án sản xuất kinh doanh phức hợp trong lĩnh vực dịch vụ Logistics. - Triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng, ban, giám đốc bộ phận, dự án, giám đốc kinh doanh hay chuyên gia phân tích, tư vấn, lãnh đạo... *** Quản trị dự án CNTT** Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ thông tin có thể làm các công việc: 1. Chuyên viên quản lý dự án Công nghệ thông tin. 2. Chuyên viên thẩm định dự án Công nghệ thông tin. 3. Giám sát nghiệm thu dự án Công nghệ thông tin. 4. Chuyên viên thiết kế, tư vấn thực hiện các công việc liên quan đến dự án Công nghệ thông tin. 5. Giám đốc/Quản lý dự án Công nghệ thông tin Ngoài ra, cử nhân chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ thông tin còn có thể làm việc ở viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo với vai trò chuyên viên, cán bộ giảng dạy về Quản trị dự án Công nghệ thông tin. *** Quản trị tài chính số** Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị tài chính số sẽ đảm nhận được các vị trí công việc cụ thể sau:

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
		- Chuyên viên tại các bộ phận quản lý hệ thống thông tin, quản trị phân tích dữ liệu, quản trị và phân tích rủi ro, quản lý các dự án công nghệ tại các tổ chức tài chính. - Chuyên viên bộ phận phát triển công nghệ tài chính, phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính tại các ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm và chứng khoán. - Chuyên viên bộ phận phát triển sản phẩm dịch vụ tại các công ty khởi nghiệp tài chính số, hoặc tự thành lập doanh nghiệp tài chính số cho bản thân. - Chuyên viên quản lý phát triển kinh tế số, công nghệ tài chính tại các cơ quan quản lý nhà nước như ngân hàng nhà nước, Sở tài chính, Sở KHCN và các cơ quan ban ngành khác.

Ngành Trí tuệ nhân tạo

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Chương trình đào tạo ngành Trí tuệ nhân tạo (TTNT) chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau: 1. Tốt nghiệp trung học phổ thông; 2. Đăng ký xét tuyển vào ngành TTNT của trường Đại học CNTT và Truyền thông Việt-Hàn theo đúng các phương thức và tổ hợp xét tuyển quy định; 3. Có điểm bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển theo các phương thức và tổ hợp môn xét tuyển của ngành TTNT của trường Đại học CNTT và Truyền thông Việt-Hàn; 4. Có sức khỏe tốt; 5. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	**1. Mục tiêu chung** Đào tạo Kỹ sư / Cử nhân ngành Trí tuệ nhân tạo (TTNT) có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm với nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng; có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực nghiên cứu tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe, đáp ứng tốt nhu cầu lao động trong thời kỳ hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. **2. Mục tiêu cụ thể** Đào tạo Kỹ sư/Cử nhân ngành Trí tuệ nhân tạo: **PO1.** Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kiến thức toàn diện, chuyên sâu và tiên tiến về lĩnh vực TTNT; **PO2.** Có khả năng nghiên cứu, giải quyết vấn đề và đưa ra những đề xuất, kết luận mang tính chuyên gia thuộc lĩnh vực TTNT;

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
		PO3. Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và sử dụng ngoại ngữ phục vụ học tập và phát triển nghề nghiệp; **PO4.** Có đạo đức tốt và trách nhiệm đối với nghề nghiệp, cộng đồng.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	- Chính sách Học bổng khuyến khích học tập, Miễn - giảm học phí; - Chế độ Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể; Tín dụng - xác nhận cho sinh viên vay vốn ngân hàng CSXH được giải quyết đầy đủ và kịp thời; - Học bổng khác từ các cơ quan, tổ chức đối tác trong và ngoài trường dành cho sinh viên; - Chính sách khen thưởng, động viên đối với sinh viên đạt thành tích cao trong các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện; - Chính sách hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn đột xuất; - Các hội thảo hướng nghiệp, tư vấn việc làm, các thông tin tuyển dụng, tạo các cơ hội việc làm cho sinh viên; - Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên về phương pháp học tập, kỹ năng xã hội, kỹ năng nghề nghiệp; - Các câu lạc bộ sinh viên đươc tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động; - Các hoạt động nhằm tạo một môi trường năng động cho sinh viên học tập và rèn luyện: NCKH sinh viên, Các cuộc thi văn nghệ - thể thao, Tài năng sinh viên, Cuộc thi như Cuộc thi tìm kiếm tài năng tiếng Anh ETC, Cuộc thi BWD, Cuộc thi Robocar - Các hoạt động hỗ trợ trong học tập và sinh hoạt như: "Chuyến xe quê hương" - hỗ trợ sinh viên về quê ăn Tết,…
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình được ban hành theo quyết định số 503/QĐ-ĐHVH của Hiệu tưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn và được công khai trên website của Khoa và Trường - Hệ Kỹ sư: Chương trình được thiết kế trong 9 học kỳ, với tổng số 160 tín chỉ. - Hệ của nhân: Chương trình được thiết kế trong 8 học kỳ, với tổng số 126 tín chỉ.
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	- Đủ năng lực để tiếp tục học văn bằng đại học thứ 2 các ngành khoa học, kỹ thuật khác

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
		- Đủ năng lực đăng ký học bậc sau đại học (Thạc sỹ, Tiến sỹ) theo chuyên ngành đào tạo hoặc phát triển sang các ngành liên quan thuộc khối kỹ thuật, công nghệ
VI	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	Sinh viên tốt nghiệp ngành TTNT có đủ năng lực làm việc tại các đơn vị, bộ phận chuyên về TTNT, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng TTNT, đảm nhiệm các công việc chuyên sâu về TTNT trong các lĩnh vực: - Phân tích, trực quan và dự báo từ các dữ liệu nhỏ, lớn; - Xây dựng và phát triển các hệ thống, tiện ích thông minh; - Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo; - Sản xuất thông minh; - Đô thị thông minh.

Ngành Công nghệ thông tin

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin (CNTT) chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau: 1. Tốt nghiệp trung học phổ thông; 2. Đăng ký xét tuyển vào ngành CNTT của trường Đại học CNTT và Truyền thông Việt-Hàn theo đúng các phương thức và tổ hợp xét tuyển quy định; 3. Có điểm bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển theo các phương thức và tổ hợp môn xét tuyển của ngành CNTT của trường Đại học CNTT và Truyền thông Việt - Hàn; 4. Có sức khỏe tốt; Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	**1. Mục tiêu chung** Đào tạo Kỹ sư/Cử nhân ngành CNTT có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và năng lực nghiên cứu tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe, đáp ứng tốt nhu cầu lao động trong thời kỳ hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. **2. Mục tiêu cụ thể** Đào tạo Kỹ sư / Cử nhân ngành Công nghệ thông tin: **PO1.** Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kiến thức toàn diện, chuyên sâu và tiên tiến về lĩnh vực CNTT;

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
		PO2. Có khả năng nghiên cứu, giải quyết vấn đề và đưa ra những đề xuất, kết luận mang tính chuyên gia thuộc lĩnh vực CNTT; **PO3.** Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và sử dụng ngoại ngữ phục vụ học tập và phát triển nghề nghiệp; **PO4.** Có đạo đức tốt và trách nhiệm đối với nghề nghiệp, cộng đồng.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	- Chính sách Học bổng khuyến khích học tập, Miễn - giảm học phí; - Chế độ Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể; Tín dụng - xác nhận cho sinh viên vay vốn ngân hàng CSXH được giải quyết đầy đủ và kịp thời; - Học bổng khác từ các cơ quan, tổ chức đối tác trong và ngoài trường dành cho sinh viên; - Chính sách khen thưởng, động viên đối với sinh viên đạt thành tích cao trong các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện; - Chính sách hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn đột xuất; - Các hội thảo hướng nghiệp, tư vấn việc làm, các thông tin tuyển dụng, tạo các cơ hội việc làm cho sinh viên; - Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên về phương pháp học tập, kỹ năng xã hội, kỹ năng nghề nghiệp; - Các câu lạc bộ sinh viên đươc tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động; - Các hoạt động nhằm tạo một môi trường năng động cho sinh viên học tập và rèn luyện: NCKH sinh viên, Các cuộc thi văn nghệ - thể thao, Tài năng sinh viên, Cuộc thi tìm kiến như Cuộc thi tìm kiếm tài năng tiếng Anh ETC, Cuộc thi BWD, Cuộc thi Robocar - Các hoạt động hỗ trợ trong học tập và sinh hoạt như: "Chuyến xe quê hương" - hỗ trợ sinh viên về quê ăn Tết,…
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình được ban hành theo quyết định số 503/QĐ-ĐHVH của Hiệu tưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn và được công khai trên website của Khoa và Trường - Hệ Kỹ sư: Chương trình được thiết kế trong 9 học kỳ, với tổng số 160 tín chỉ. - Hệ của nhân: Chương trình được thiết kế trong 8 học kỳ, với tổng số 126 tín chỉ.
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	- Đủ năng lực để tiếp tục học văn bằng đại học thứ 2 các ngành khoa học, kỹ thuật khác.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
		- Đủ năng lực đăng ký học bậc sau đại học (Thạc sỹ, Tiến sỹ) theo chuyên ngành đào tạo hoặc phát triển sang các ngành liên quan thuộc khối kỹ thuật, công nghệ.
VI	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	Sinh viên tốt nghiệp chương trình Kỹ sư/Cử nhân ngành Công nghệ thông tin ra trường đảm nhận các vị trí công việc: - Chuyên viên, tư vấn hoặc nhà quản lý IT trong cơ quan, doanh nghiệp - Khởi nghiệp và nghiên cứu phát triển các sản phẩm công nghệ thông tin • **Đối với định hướng Kỹ thuật phần mềm** + Phát triển, phân tích, thiết kế hoặc quản lý dự án phát triển phần mềm; + Kiểm thử; + Quản trị hệ thống và cơ sở dữ liệu; + Thiết kế và quản trị website; • **Đối với định hướng Mạng và an toàn thông tin** + Lập trình các phần mềm nhúng trên các thiết bị di động (Smartphone, Tablet, …), các hệ thống công nghiệp, xe ô tô, điện gia dụng, nhà thông minh. + Thiết kế, phát triển hệ thống phần cứng, chip, vi mạch, mạch điện - điện tử, mạch điều khiển, … + Thiết kế, phát triển các phần mềm ứng dụng IoT, học máy, xử lý dữ liệu và các lĩnh vực liên quan khác. • **Đối với định hướng Iot-Robotics** + Quản trị mạng và hệ thống; thiết kế, thi công các hệ thống mạng an toàn và hiệu quả; giám sát thi công hệ thống mạng; + Lập trình và phát triển ứng dụng mạng, ứng dụng an toàn thông tin, … + Quản trị bảo mật và phân tích hệ thống thông tin; rà soát lỗ hổng và xử lý an toàn thông tin.

Ngành Công nghệ Thông tin - Chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật số

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin (CNTT) - chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật số (TKMTS) chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau: 1. Tốt nghiệp trung học phổ thông; 2. Đăng ký xét tuyển vào ngành CNTT - chuyên ngành TKMTS của trường Đại học CNTT và Truyền thông Việt

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
		- Hàn theo đúng các phương thức và tổ hợp xét tuyển quy định; 3. Có điểm bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển theo các phương thức và tổ hợp môn xét tuyển của ngành CNTT - chuyên ngành TKMTS của trường Đại học CNTT và Truyền thông Việt-Hàn; 4. Có sức khỏe tốt; 5. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	**1. Mục tiêu chung** Đào tạo kỹ sư ngành Công nghệ Thông tin - chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật số có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và năng lực nghiên cứu tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe, đáp ứng tốt nhu cầu lao động trong thời kỳ hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. **2. Mục tiêu cụ thể** Đào tạo ra những kỹ sư ngành Công nghệ Thông tin - chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật số: **PO1.** Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội; kiến thức chuyên môn toàn diện và chuyên sâu về lĩnh vực CNTT trong chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật số; **PO2.** Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực CNTT, mỹ thuật số, mỹ thuật đa phương tiện và thiết kế đồ họa; **PO3.** Có khả năng nghiên cứu, tư vấn và giải quyết vấn đề mang tính chuyên gia thuộc lĩnh vực Thiết kế mỹ thuật số ứng dụng CNTT; **PO4.** Có đạo đức tốt và trách nhiệm đối với nghề nghiệp, cộng đồng.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	- Chính sách Học bổng khuyến khích học tập, Miễn - giảm học phí; - Chế độ Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể; Tín dụng - xác nhận cho sinh viên vay vốn ngân hàng CSXH được giải quyết đầy đủ và kịp thời; - Học bổng khác từ các cơ quan, tổ chức đối tác trong và ngoài trường dành cho sinh viên; - Chính sách khen thưởng, động viên đối với sinh viên đạt thành tích cao trong các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện; - Chính sách hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn đột xuất;

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
		- Các hội thảo hướng nghiệp, tư vấn việc làm, các thông tin tuyển dụng, tạo các cơ hội việc làm cho sinh viên; - Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên về phương pháp học tập, kỹ năng xã hội, kỹ năng nghề nghiệp; - Các câu lạc bộ sinh viên đươc tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động; - Các hoạt động nhằm tạo một môi trường năng động cho sinh viên học tập và rèn luyện: NCKH sinh viên, Các cuộc thi văn nghệ - thể thao, Tài năng sinh viên, Cuộc thi như Cuộc thi tìm kiếm tài năng tiếng Anh ETC, Cuộc thi BWD,… - Các hoạt động hỗ trợ trong học tập và sinh hoạt như: "Chuyến xe quê hương" - hỗ trợ sinh viên về quê ăn Tết,…
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình được ban hành theo quyết định số 503/QĐ-ĐHVH của Hiệu tưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn và được công khai trên website của Khoa và Trường. Chương trình được thiết kế trong 8 học kỳ, với tổng số 160 tín chỉ.
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	- Đủ năng lực để tiếp tục học văn bằng đại học thứ 2 các ngành khoa học, công nghệ khác. - Đủ năng lực đăng ký học bậc sau đại học (Thạc sỹ, Tiến sỹ) theo chuyên ngành đào tạo hoặc phát triển sang các ngành liên quan.
VI	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ Thông tin – chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật số có thể làm các công việc: - Chuyên viên CNTT làm việc tại các đơn vị, bộ phận chuyên về CNTT, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng CNTT; - Chuyên viên Thiết kế đồ họa nhận diện thương hiệu làm việc trong các doanh nghiệp liên quan mỹ thuật như thiết kế quảng cáo, truyền thông; - Chuyên viên Thiết kế minh họa truyện, sách báo, làm việc trong các công ty, cơ quan, tổ chức xuất bản sách báo, tạp chí; - Chuyên viên Thiết kế nhân vật hoạt hình, nhân vật game; - Chuyên viên Thiết kế giao diện website; - Chuyên viên Thiết kế đồ họa chuyển động video, motion graphic, trailer quảng cáo, xử lý hiệu ứng mỹ thuật trong các cơ quan truyền thanh, truyền hình, truyền thông đa phương tiện; - Khởi nghiệp và nghiên cứu phát triển các dự án liên quan đến Thiết kế mỹ thuật số phục vụ đời sống xã hội.

Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Tốt nghiệp trung học phổ thông; - Đăng ký xét tuyển vào ngành CNTT của trường Đại học CNTT và truyền thông Việt - Hàn theo đúng các phương thức và tổ hợp xét tuyển quy định; - Có điểm bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển theo các phương thức và tổ hợp môn xét tuyển của ngành CNTT của trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt - Hàn; - Có sức khỏe tốt.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng đào tạo những **cử nhân** ngành CNKTMT: **PO1.** Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kiến thức toàn diện, chuyên sâu và tiên tiến về lĩnh vực CNKTMT; **PO2**. Có khả năng nghiên cứu, giải quyết vấn đề và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia thuộc lĩnh vực CNKTMT; **PO3**. Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, các kỹ năng mềm, khả năng sử dụng ngoại ngữ phục vụ cho học tập, công việc, phát triển nghề nghiệp; có kỹ năng học tập suốt đời; **PO4**. Có đạo đức tốt để làm việc và có ích cho cộng đồng.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	Khoa sẽ đồng hành cùng với doanh nghiệp, các nhà tài trợ để trao các suất học bổng cho sinh viên có thành tích xuất sắc, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt thành tính xuất sắc trong học tập
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Công nghệ kỹ thuật máy tính - Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Computer Engineering Technology • Trình độ đào tạo: Đại học hệ cử nhân - Mã ngành: 7480108B - Tổng khối lượng toàn khóa: >= 126 tín chỉ (TC) - chưa bao gồm các học phần Giáo dục thể chất (4TC), Tiếng Anh dự bị (5TC) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (quy đổi 8TC) - Thời gian đào tạo dự kiến: 4 năm (02 Học kỳ/năm)

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo – Bậc đại học chính quy
		• Trình độ đào tạo: Đại học hệ kỹ sư - Mã ngành: 7480108 - Tổng khối lượng toàn khóa: >= 160 tín chỉ (TC) - chưa bao gồm các học phần Giáo dục thể chất (4TC), Tiếng Anh dự bị (5TC) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (quy đổi 8TC) - Thời gian đào tạo dự kiến: 4,5 năm (02 Học kỳ/năm)
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	- Có kiến thức nền tảng về ngành CNKTMT để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ thạc sỹ, tiến sĩ ngành CNKTMT, CNTT và các ngành gần khác.
VI	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	- Lập trình viên, đặc biệt là lập trình các phần mềm nhúng trên các thiết bị di động (Smartphone, Tablet,….), các vi xử lý vi điều khiển trong các hệ thống công nghiệp, xe ô tô, điện gia dụng, nhà thông minh,… - Kỹ sư thiết kế chip, vi mạch, mạch điện - điện tử, mạch điều khiển - Kỹ sư công nghệ thông tin nói chung trong các cơ quan, doanh nghiệp chuyên và không chuyên về công nghệ thông tin - Nghiên cứu viên, giảng viên trong các cơ sở đào tạo về công nghệ thông tin và kỹ thuật máy tính.

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2023

NGƯỜI LẬP	PHÒNG KT&ĐBCLGD	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Phan Thị Quỳnh Thy	TS. Lê Hà Như Thảo	TS. Trần Thế Sơn

Biểu mẫu 18

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2023 - 2024

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa học vừa làm	Chính quy	Vừa học vừa làm	Chính quy	Vừa học vừa làm
	Tổng số			4480					
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II					x	x	x	x
3	Khối ngành III			1178		x	x	x	x
4	Khối ngành IV					x	x	x	x
5	Khối ngành V			3302		x	x	x	x
6	Khối ngành VI					x	x	x	x
7	Khối ngành VII					x	x	x	x

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 1 năm ra trường

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Số lượng SVTN có việc làm	Số lượng SVTN đang học nâng cao	Tổng số SVTN được khảo sát	Tỷ lệ SVTN có việc làm sau 1 năm ra trường (%) *
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá				
	Tổng số	112	0	16	79	86	3	95	93,68
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II								
3	Khối ngành III	28	0	3	23	18	2	20	100

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Số lượng SVTN có việc làm	Số lượng SVTN đang học nâng cao	Tổng số SVTN được khảo sát	Tỷ lệ SVTN có việc làm sau 1 năm ra trường (%) *
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá				
4	Khối ngành IV								
5	Khối ngành V	84		13	56	64	1	71	91,55
6	Khối ngành VI								
7	Khối ngành VII								

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((Số lượng SVTN có việc làm + Số lượng SVTN đang học nâng cao)/ tổng số SVTN được khảo sát)*100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

https://docs.google.com/document/d/1N3vk53wmscaGu-tj-_44waGAT-gTBIxj/edit?usp=sharing&ouid=104846948637952931717&rtpof=true&sd=true

D. Công khai thông tin giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Research and apply blockchain to e-commerce website	Nguyễn Bình Minh Phạm Văn Nam	ThS. Võ Ngọc Đạt	
2	Đại học	Research and apply blockchain technology in supply chain management	Mai Xuân Thưởng	TS. Đặng Đại Thọ	
3	Đại học	Developing a recommendation system for electronic components	Phạm Duy	TS. Đặng Đại Thọ	
4	Đại học	Building system face recognition supports attendance	Lê Vũ Thành An Nguyễn Viết Nam	TS. Hồ Văn Phi	

5	Đại học	Build and develop e-commerce website and use ai to improve user experience	Trương Thành Quý	TS. Hoàng Nguyên Vũ	
6	Đại học	Detection of driver sleepiness using deep learning	Trịnh Quang Tin	TS. Phạm Nguyễn Minh Nhựt	
7	Đại học	Analysis and development distribution system charoen pokphand group	Nguyễn Văn Lực	TS. Phạm Nguyễn Minh Nhựt	
8	Đại học	Application of computer vision in communication	Dương Văn Hiếu	TS. Đặng Đại Thọ	
9	Đại học	Bubble sheet multiple choice scanner and test grade using orm, python and opencv	Nguyễn Vĩnh Thiên	TS. Lê Tân	
10	Đại học	Build a storage space app for couples lovespace	Nguyễn Trọng Nghĩa Trần Thị Ngọc Anh	TS. Trần Văn Đại	
11	Đại học	Decentralized music player app development	Nguyễn Thị Nguyệt Minh Nguyễn Duy Sỹ	TS. Trần Văn Đại	
12	Đại học	Building 3d games on html5 platform	Hoàng Ngọc Phương	ThS. Lê Thành Công	
13	Đại học	The online grocery ordering and delivery system	Hoàng Thanh Tùng Nguyễn Hương Mai	ThS. Trần Thị Xuân Trang	
14	Đại học	Business data scraping and extracting softwares	Nguyễn Ngọc Định	TS. Nguyễn Quang Vũ	
15	Đại học	Building software system for sioux high- tech software company	Nguyễn Thị Thanh Thuý	TS. Nguyễn Quang Vũ	
16	Đại học	Research and design the online car rental system	Nguyễn Thái Bảo Hồ Thành Đạt	TS. Nguyễn Thanh	
17	Đại học	Online movies web app	Nguyễn Cảnh Lâm	TS. Hồ Phan Hiếu	
18	Đại học	Location lookup map to support real estate projects in Singapore	Trần Dương Quang	TS. Huỳnh Ngọc Thọ	
19	Đại học	Webgpu rendering library	Dương Quốc Khánh	ThS. Lê Thành Công	

20	Đại học	Research on collaborative filtering and content–based filtering for music field	Tôn Thất Hoàn Thiện Trí	PGS. TS Huỳnh Công Pháp	
21	Đại học	Development social network system	Nguyễn Hiếu Nghĩa	TS. Lâm Tùng Giang	
22	Đại học	Management software application for public health	Nguyễn Võ Chí Bảo Lê Quang Vinh	TS. Lê Tân	
23	Đại học	Deep leaning research builds an applycation to classify images of vegetables and fruiits in agriculture	Nguyễn Văn Bình	TS. Phạm Nguyễn Minh Nhựt	
24	Đại học	Deep learning researching builds an application to recognize smoke and fire in fire protection	Nguyễn Thành Đạt	TS. Phạm Nguyễn Minh Nhựt	
25	Đại học	Sssmarket-fashion sharing social media app	Trần Công Ái	ThS. Lê Viết Trương	
26	Đại học	Customer care system	Nguyễn Gia Thuần	TS. Hồ Văn Phi	
27	Đại học	Blockchain technology research building online exam management application	Nguyễn Văn Huy Hoàng	ThS. Trần Uyên Trang	
28	Đại học	Create hainamcoin with blockchain, blockchain exchange	Nguyễn Văn Nam Phan Đức Hải	TS. Trần Nguyễn Hồng Phúc	
29	Đại học	Management and exchage of digital items based on blockchain technology	Trần Thị Thanh Đinh Thị Thùy Trang	TS. Trịnh Công Duy	
30	Đại học	Research on gan (generative adversarial networks) and build an application to hide information in image	Nguyễn Ngọc Anh Khoa Ông Bửu Khánh	PGS. TS Huỳnh Công Pháp	
31	Đại học	Food delivery application	Hoàng Anh Trường	TS. Huỳnh Ngọc Thọ	
32	Đại học	Certificate generation and validation applying	Đỗ Thanh Tùng Đỗ Tấn Tĩnh	PGS. TS Huỳnh Công Pháp	

33	Đại học	Building management system for charity projects using blockchain	Trần Đức Anh	PGS. TS Nguyễn Thanh Bình	
34	Đại học	Building a papa vpn application	Nguyễn Thị Minh Huyền	PGS. TS Nguyễn Thanh Bình	
35	Đại học	Applying blockchain in online voting system	Ngô Ngọc Huy	PGS.TS. Phan Huy Khánh	
36	Đại học	Building application for bird species identification and data synthesis	Mai Văn Đông	ThS. Đỗ Công Đức	
37	Đại học	Blockchain application to build patient record management software	Hà Thanh Vinh	ThS. Lê Tự Thanh	
38	Đại học	Research and application of blockchain in digital event tickets	Nguyễn Văn Việt Lê Cao Nguyên	ThS. Nguyễn Ngọc Huyền Trân	
39	Đại học	Research and building digital map and bigdata	Nguyễn Hải Nhân	TS. Lê Văn Minh	
40	Đại học	Building a website to sell glasses using ar technology	Võ Thị Thìn	TS. Nguyễn Thanh	
41	Đại học	Building a system for selling and suggestions of fast food	Đào Huỳnh Nghĩa	ThS. Dương Thị Mai Nga	
42	Đại học	Automatic attendance system using facial recognition technology	Trần Nam Phương Nguyễn Đình An	ThS. Hà Thị Minh Phương	
43	Đại học	Building an e-commerce system applying machine learning to recommend items	Lê Minh Huy	ThS. Lương Khánh Tý	
44	Đại học	A chatbot available to answer vku student queries 24/7	Nguyễn Đức Hoàng Nam Bùi Xuân Tường	ThS. Trần Thị Xuân Trang	
45	Đại học	Smart garden monitoring and control system	Nông Thị Hồng	TS. Đặng Quang Hiển	
46	Đại học	Research and design a remote patient health monitoring system	Lê Viết Việt Phạm Thị Bích Thảo	ThS. Trịnh Thị Ngọc Linh	

47	Đại học	Building a multiple platform social application	Nguyễn Nhật Hoàng Phan Trí Dũng	ThS. Võ Hùng Cường	
48	Đại học	Sign language recognition using hand gesture	Nguyễn Thị Nhật Lệ	ThS. Võ Hùng Cường	
49	Đại học	Blockchain technology in intellectual property management	Bùi Hữu Hảo Nguyễn Hữu Dũng	TS. Hoàng Nguyên Vũ	
50	Đại học	Building a sales e-commerce website	Nguyễn Đình Khánh	ThS. Lương Khánh Tý	
51	Đại học	Research on how to draw pictures based stable diffusion	Quách Trọng Thái Đinh Văn Thảo	ThS. Ngô Lê Quân	
52	Đại học	Sign language recognition using hand gestures	Lê Thái Thắng	ThS. Trần Thanh Liêm	
53	Đại học	Website movie integrated search movies by actor/actress's images	Nguyễn Lê Minh Quốc	ThS. Trần Thanh Liêm	
54	Đại học	Building studios app in flutter	Võ Thị Minh Nguyệt	ThS. Nguyễn Văn Bình	
55	Đại học	Applications to detect pathology on plants	Nguyễn Thị Phương Thảo	ThS. Nguyễn Văn Bình	
56	Đại học	Building a social network application on android operating system	Phạm Tấn Trung	ThS. Nguyễn Văn Bình	
57	Đại học	Build cross-platform quizet apps	Trương Quang Nhã Hoàng Đình Thảo	ThS. Phạm Hồ Trọng Nguyên	
58	Đại học	Research and build an application for learning english using AI	Nguyễn Tấn Vũ Trần Duy Mai Dung	ThS. Trịnh Thị Ngọc Linh	
59	Đại học	Webgpu rendering library	Phùng Văn Nam	ThS. Võ Hùng Cường	
60	Đại học	Research and application of objectives to movie recommendation	Trần Thị Hương Ngân	ThS. Võ Văn Lường	

61	Đại học	Papagroup tectnology outsourcing project - sss market with role quality assurance	Nguyễn Thị Thanh Phương	ThS. Võ Văn Lường	
62	Đại học	Design user interface and user experience for the bizciti apartment chain website administration page	Đặng Ngọc Đăng Khoa	ThS. Võ Văn Lường	
63	Đại học	Dating social network	Trần Đình Hùng	TS. Cao Xuân Tuấn	
64	Đại học	Build nft marketplace on ethereum network	Hồ Nhật Hoàng	TS. Hồ Phan Hiếu	
65	Đại học	Learning and entertainment application for kids	Hoàng Thị Hương	PGS. TS Nguyễn Thanh Bình	
66	Đại học	Research on building cloud computing systems to store and transcode videos	Đỗ Văn Chiến Trần Phước Tín	TS. Nguyễn Hà Huy Cường	
67	Đại học	Development social network system	Nguyễn Văn Chiến Hồ Văn Trung	ThS. Trần Đình Sơn	
68	Đại học	Music player application with recommendation system and audio identification	Nguyễn Mã Phi Long Lê Công Nhất	ThS. Trần Đình Sơn	
69	Đại học	Movie ticket booking website applying blockchain technology	Tôn Đức Nam	TS. Hoàng Hữu Đức	
70	Đại học	Build a social network of react native and expressjs apps with super app	Nguyễn Quang Huy	TS. Hoàng Hữu Đức	
71	Đại học	Immunization registration management system based on aws ec2	Phạm Thành Đạt	TS. Lê Thị Thu Nga	
72	Đại học	Shopping app using blockchain	Võ Đức Bảo	TS. Lê Văn Minh	
73	Đại học	Social media xgram	Nguyễn Hoàng Vũ Phan Thành Đạt	TS. Lê Văn Minh	

74	Đại học	Research and development of a web-based sales management website and automated testing application	Trần Thị Mỹ Phượng Nguyễn Thị Thu Mai	TS. Nguyễn Đức Hiển	
75	Đại học	Building a multi-platform working time tracking system at the enterprise	Trương Đình Vinh	TS. Nguyễn Nho Túy	
76	Đại học	Build cross-platform apps student management	Trần Văn Hưng	TS. Phạm Nguyễn Minh Nhựt	
77	Đại học	Build a website to learn English	Bùi Văn Khiêm	TS. Phạm Nguyễn Minh Nhựt	
78	Đại học	Research and application of blockchain in e-commerce	So Minh Hưng	TS. Nguyễn Sĩ Thìn	
79	Đại học	Blockchain technology research to building an online exam website and managing score	Nguyễn Đức Bảo Lê Thị Thanh Truyền	ThS. Nguyễn Thanh Cẩm	
80	Đại học	Building a nft marketplace using blockchain	Trần Sĩ Nguyên Anh Hồ Nguyễn Xuân Tây	ThS. Nguyễn Thanh Tuấn	
81	Đại học	Building e-commerce applications in swift language	Trần Minh Lương	ThS. Trần Thu Thủy	
82	Đại học	Application of blockchain technology in tracking the origin of products	Nguyễn Trọng Quý Mạnh Lê Phước Đại	ThS. Trần Xuân Vũ	
83	Đại học	Building website promotion of quang nam tourism integrating ai chatbot	Võ Quốc Nhật Nguyễn Phước Hiển	TS. Hoàng Nguyên Vũ	
84	Đại học	Building software management training center Vietnam - Australia	Lý Ngọc Trâm Võ Ngọc Anh Khoa	TS. Lê Minh Thái	
85	Đại học	News app research and development	Võ Văn Thống La Việt Hưng	ThS. Nguyễn Anh Tuấn	

86	Đại học	Developing e-commerce system using php programming language (laravel)	Trần Trung Hiếu	ThS. Trần Thu Thủy	
87	Đại học	Building a system to store, share diary, consume, apply ai chatbot to support users	Hồ Văn Đoan	TS. Hoàng Nguyên Vũ	
88	Đại học	Application of artificial intelligence and blockchain in architectural design automation	Nguyễn Minh Thắng	ThS. Trà Văn Sơn	
89	Đại học	Design and build project task management system	Trần Nhật Huy Văn Viết Hiếu	ThS. Ngô Lê Quân	
90	Đại học	Event ticket business website	Thái Thị Quỳnh Nga Mai Văn Quang	ThS. Nguyễn Anh Tuấn	
91	Đại học	Papagroup's product project implement vpn service and vpn mobile app	Võ Đại Việt Đức	TS. Huỳnh Ngọc Thọ	
92	Đại học	Project website fashion using recommender system	Lương Thị Uyển Nhi	TS. Lý Quỳnh Trân	
93	Đại học	Design test-case in testing software and applications automated testing tools selenium	Lê Thị Bích Ngọc	ThS. Hà Thị Minh Phương	
94	Đại học	Applying smart contracts on blockchain platform to build goods exchange website vku-martketplace	Trần Phan Minh Tây Bùi Đức Đồng	ThS. Nguyễn Đỗ Công Pháp	
95	Đại học	Learning management service system for education business	Ngô Văn Quý Đỗ Thị Kim Ngân	ThS. Nguyễn Thanh Cẩm	
96	Đại học	Building a clothing sales system with a fitting room using deep learning	Phạm Văn Định	TS. Lê Thị Thu Nga	
97	Đại học	Management and transfer of arts based on blockchain technology	Phạm Văn Nhất	TS. Lê Thị Thu Nga	
98	Đại học	Building a business devices integrated product recommendation	Trần Công Minh	TS. Lê Tân	

99	Đại học	Research and implement artificial intelligence to attendance be facial recognition	Nguyễn Thanh Tâm	TS. Võ Duy Thanh	
100	Đại học	Research and design ux/ui for business website	Hoàng Văn Bình	TS. Nguyễn Quang Vũ	
101	Đại học	Research on blockchain technology and building an nft marketplace	Trần Đình Nghĩa	TS. Lý Quỳnh Trân	
102	Đại học	Building a multi-platform warehouse management system at enterprises	Nguyễn Văn Sang	ThS. Trần Uyên Trang	
103	Đại học	Building agricultural products information tracking app	Bùi Xuân Thiện	TS. Nguyễn Hà Huy Cường	
104	Đại học	Research and construction management system of sophia foreign language center	Trần Minh	TS. Nguyễn Quang Vũ	
105	Đại học	Research and formulate a virtual ai assistants an application for remote working	Nguyễn Thị Thanh Tâm	TS. Nguyễn Sĩ Thìn	
106	Đại học	Table booking app with integrating artificial intelligence	Lê Thị Minh Châu	TS. Trần Văn Đại	
107	Đại học	Building an e-commerce website applying recommender system technology and online payment	Nguyễn Văn Tiến Huỳnh Quang Trung	TS. Trần Văn Đại	
108	Đại học	Recommendation system for ecommerce book website	Phạm Việt Sỹ	TS. Nguyễn Thu Hương	
109	Đại học	Building a student management and attendance system based on face recognition	Nguyễn Tấn Lượng	TS. Nguyễn Thanh	
110	Đại học	Blockchain application in electronic health records	Nguyễn Thị Phương Nhi	TS. Nguyễn Sĩ Thìn	
111	Đại học	Job recommendation system	Lê Thị Thanh Hà	TS. Hồ Văn Phi	

112	Đại học	Online shopping platform integration with recommendation and metamask payment	Nguyễn Anh Dũng	ThS. Nguyễn Thanh Cẩm	
113	Đại học	Football field management system and sportswear sales	Nguyễn Hữu Tú Nguyễn Văn Hùng	ThS. Nguyễn Văn Bình	
114	Đại học	Building the parking management system based on identification technology	Võ Thị Thùy Vui	ThS. Trịnh Thị Ngọc Linh	
115	Đại học	Building an online video sharing platform based on microservices architecture	Huỳnh Cao Bảo Long	TS. Nguyễn Văn Lợi	
116	Đại học	Applying a recommendation system and chatbot in building a fashion sales website	Nguyễn Nhật Khánh Bùi Văn Anh Huy	TS. Nguyễn Văn Lợi	
117	Đại học	Website hospital service	Nguyễn Trọng Tài	TS. Lý Quỳnh Trân	
118	Đại học	Applying real web projects at businesses	Ngô Mỹ Hạnh	TS. Hồ Văn Phi	
119	Đại học	Smart contract based on blockchain technology	Nguyễn Thị Mỹ Hà	TS. Hồ Văn Phi	
120	Đại học	Peio pharmacy store management website - combining blockchain in invoice management.	Phùng Minh Hiếu Trương Thanh Hoài	PGS. TS Huỳnh Công Pháp	
121	Đại học	Application augmented reality technology build a website selling glasses	Nguyễn Thị Tịnh Nghi	ThS. Phạm Hồ Trọng Nguyên	
122	Đại học	Building an e-commerce system incorporating AI	Hoàng Văn Tú Lâm	ThS. Đỗ Công Đức	
123	Đại học	Application of the recommendation system in the website sell gym and helth	Nguyễn Đình Đức	ThS. Lê Viết Trương	
124	Đại học	Building a job search social networking website	Nguyễn Nhật Nam Lê Thùy Nhung	TS. Nguyễn Quang Vũ	

125	Đại học	Build an entry warning application	Nguyễn Duy Khánh	TS. Nguyễn Văn Lợi	
126	Đại học	Building a virtual assistant	Nguyễn Phan Thành Công	TS. Đặng Đại Thọ	
127	HĐ17	Cross-platform mobile application for asset inventory	Nguyễn Văn Liệu	ThS. Trần Uyên Trang	
128	Đại học	Building a music recommendation application system	Nguyễn Quang Hoàng Vũ Phan Thanh Tùng	TS. Nguyễn Đức Hiển	
129	Đại học	Applying blockchain technology to build smart contracts into the product warranty policy at the store	Phan Văn Trí Vũ Thị Kim Oanh	ThS. Võ Ngọc Đạt	
130	Đại học	Building an e-commerce website using artificial intelligece to support user	Lê Nguyễn Phú Hữu	TS. Cao Xuân Tuấn	
131	Đại học	Building an book order website integrated AI to support users	Võ Đức Cảnh	ThS. Đỗ Công Đức	
132	Đại học	Use artificial intelligence, machine learning and gamification to support English learning app	Ngô Đức Huy	ThS. Ngô Lê Quân	
133	Đại học	Building food delivery app on android combine with google map	Nguyễn Anh Triết	ThS. Nguyễn Đỗ Công Pháp	
134	Đại học	Recommendation system for e-commerce website	Nguyễn Ngọc Quang Nguyễn Trọng Tâm	TS. Nguyễn Sĩ Thìn	
135	Đại học	Applying ethereum blockchain technology to build a fruit and vegetable traceability application	Hồ Trần Huy Hoàng	ThS. Lê Tự Thanh	
136	Đại học	Secure digital voting system base on blockchain technology	Nguyễn Hoàng Nhựt Trần Nhất Phiên	ThS. Lê Viết Trương	
137	Đại học	Building an e-commerce recommendation system	Trần Bình Quang	TS. Nguyễn Đức Hiển	

		with multi platform for selling exclusive eyewear	Huỳnh Văn Niên		
138	Đại học	Race horse game multi-flatform - blockchain	Lê Đức Nam	PGS. TS Huỳnh Công Pháp	
139	Đại học	Research and build a music recommendation web application	Đinh Thanh Huy Cao Đăng Dương	ThS. Lê Kim Trọng	
140	Đại học	Building a nft marketplace website using blockchain	Phạm Trung Kỳ	ThS. Lê Thành Công	
141	Đại học	Trade, exchange app integrated chatbot	Nguyễn Ngọc Thương	TS. Nguyễn Thu Hương	
142	Đại học	P-covid care-website to consult medical examination and book an appointment after covid, integrates ai chatbot	Trần Ngọc Anh Vũ	ThS. Lương Khánh Tý	
143	Đại học	Building a test score application	Lê Thị Chu My	ThS. Dương Thị Mai Nga	
144	Đại học	Intrusion warning system	Mai Anh Kiệt	ThS. Lê Thành Công	
145	Đại học	Bookstore integrated recommender system	Đinh Quang Linh	ThS. Nguyễn Ngọc Huyền Trân	
146	Đại học	Customer traffic analysis based on heatmap and deep learning technology	Phan Việt Long Nguyễn Thị Hồng Trinh	ThS. Ninh Khánh Chi	
147	Đại học	Building an e-commerce website	Bùi Minh Phúc	ThS. Trần Đình Sơn	
148	Đại học	Building e-commerce website	Nguyễn Văn Phước	ThS. Trần Uyên Trang	
149	Đại học	Building a multi-platform beverage sales system	Bùi Khánh Hưng	TS. Lê Minh Thái	
150	Đại học	Application of recommendation system in website construction sales electronic components	Nguyễn Tiến Dũng	TS. Nguyễn Văn Lợi	

151	Đại học	Building a product traceability website for moc chau dairy company by using blockchain technology	Trần Nhật Minh	ThS. Nguyễn Thanh Tuấn	
152	Đại học	Research and build a deep tree – based model for software defct prediction	Lê Thị Thuý Vy	ThS. Hà Thị Minh Phương	
153	Đại học	Research and application of blockchain technology in election system	Trần Công Rin Đỗ Hồng Phúc	TS. Lê Văn Minh	
154	Đại học	Building a multi-platform app that sells and cares for pets with ai integration in chatbot	Dương Văn Tuấn Ngô Văn Hiến	ThS. Võ Ngọc Đạt	
155	Đại học	Katalon studio tools learned and applied in testing women in software development on website	Lê Thị Giang Phan Trần Bảo Ngọc	TS. Đặng Quang Hiển	
156	Đại học	Develop english vietnamese machine translation apps	Trần Trung Hiếu	TS. Nguyễn Hữu Nhật Minh	
157	Đại học	Building e-commercial applications	Trần Thái Toản	TS. Lâm Tùng Giang	
158	Đại học	Sales app	Bùi Đình Nhã	ThS. Nguyễn Thanh Tuấn	
159	Đại học	Research and build a website to watch movies online	Võ Tấn Đạt	TS. Nguyễn Thanh	
160	Đại học	Building e-learning system	Lê Quốc Dũng Đặng Ngọc Châu	TS. Nguyễn Quang Vũ	
161	Đại học	Building online courses system	Đặng Xuân Long	TS. Nguyễn Đức Hiển	
162	Đại học	Inaturalist – inatural identifier	Nguyễn Văn Long	TS. Lý Quỳnh Trân	
163	Đại học	Research and build the online movie ticket booking system	Hoàng Lê Thiện An Puih Kháo	ThS. Trần Xuân Vũ	
164	Đại học	Build website for a coffee shop management system	Ngô Quý Hiếu	TS. Lê Tân	

165	Đại học	Building an e-commerce website using artificial intelligece to support user	Bùi Tấn Lâm	TS. Lê Thị Thu Nga	
166	Đại học	Nghiên cứu và triển khai thực nghiệm mô hình định vị cho mạng cảm biến không dây sử dụng thuật toán tam giác	Trần Trường An	TS.Trần Thế Sơn	
167	Đại học	Nghiên cứu xây dựng hệ thống xe tự hành sử dụng trí tuệ nhân tạo	Phạm Võ Hiệp	TS. Vương Công Đạt	
168	Đại học	Ứng dụng IoT trong hệ thống pin năng lượng mặt trời thông minh	Nguyễn Viết Hoàng	ThS. Lê Tự Thanh	
169	Đại học	Thiết kế và mô phỏng bóng bán dẫn hiệu ứng trường dải nano graphene cho các ứng dụng vi mạch kỹ thuật số	Lê Phước Thành Quang	TS. Thân Hồng Phúc	
170	Đại học	Thiết kế và triển khai thực nghiệm mạng điều khiển CAN trên oto	Nguyễn Chí Thành	TS. Trần Thế Sơn	
171	Đại học	Nghiên cứu thiết kế và mô phỏng cảm biến áp suất MEMS cho môi trường nhiệt độ cao	Đào Ngọc Tuấn	TS.Thân Hồng Phúc	
172	Đại học	Thiết kế hệ thống chăm sóc vườn rau trong nhà kính	Nguyễn Văn Công	ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang	
173	Đại học	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống giám sát các trạm thu phát sóng viễn thông sử dụng công nghệ Internet vạn vật	Nguyễn Tuấn Vương	TS. Nguyễn Vũ Anh Quang	
174	Đại học	Phát triển ứng dụng đào tạo trường đại học công nghệ thông tin và truyền thông Việt - Hàn	Nguyễn Thanh Hào	ThS. Lê Kim Trọng	
175	Đại học	Xây dựng và bảo mật hệ thống mạng cho một học viện đào tạo	Đặng Nhật Hiển	TS. Đặng Quang Hiển	

176	Đại học	Nghiên cứu và xây dựng hệ thống ứng dụng AI tự động nhận dạng và dập tắt đám cháy	Phan Anh Kiệt	TS.Nguyễn Vũ Anh Quang	
177	Đại học	Nghiên cứu và xây dựng hệ thống mail server cho doanh nghiệp dựa trên nền tảng mã nguồn mở Zimbra	Trần Đức Bảo Long	TS.Nguyễn Vũ Anh Quang	
178	Đại học	Xây dựng robot tự động phục vụ nhân viên văn phòng	Hoàng Xuân Nam	ThS. Ninh Khánh Chi	
179	Đại học	Nghiên cứu thiết kế hệ thống ứng dụng AI trong nhà thông minh	Cao Trung Nguyên	ThS. Phan Thị Quỳnh Hương	
180	Đại học	Ứng dụng IoT và AI xây dựng hệ thống giám sát người ra vào ở nơi công cộng	Mai Tuấn Thành	ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang	
181	Đại học	Thiết kế và xây dựng mô hình Vườn thông minh	Trần Đăng Vương	ThS. Phan Thị Quỳnh Hương	
182	Đại học	Thiết kế Game thực tế ảo (VR)	Lương Tuấn Anh	TS. Nguyễn Hà Huy Cường	
183	Đại học	Xây dựng hệ thống hỗ trợ quản lý nhà kính	Nguyễn Văn Đạt	TS. Dương Hữu Ái	
184	Đại học	Xây dựng thiết bị theo dõi sức khỏe thông minh	Phạm Công Minh	ThS. Trần Thị Trà Vinh	
185	Đại học	Nghiên cứu xây dựng hệ thống nhà thông minh tích hợp trí tuệ nhân tạo và kết nối vạn vật	Nguyễn Trường Phi	TS. Vương Công Đạt	
186	Đại học	Thiết kế website và robot hỗ trợ trong bệnh viện	Lê Ngọc Sơn	TS. Phan Thị Lan Anh	
187	Đại học	Xây dựng hệ thống chấm công và kiểm tra thân nhiệt nhân viên	Ngô Quang Cường	TS. Phan Thị Lan Anh	
188	Đại học	Ứng dụng công nghệ AI và IoT để xây dựng hệ thống nhà thông minh	Ngô Lê Thành Vinh	TS. Hoàng Hữu Đức	

189	Đại học	Xây dựng hệ thống điều khiển nhà thông minh với công nghệ IoT và công nghệ AI	Nguyễn Hùng	TS. Nguyễn Hữu Nhật Minh	
190	Đại học	The influence of KOLs on cosmetic online purchasing intention	Nguyễn Thị Mai Hằng	ThS. Vũ Thị Quỳnh Anh	
191	Đại học	Factors Affecting Vietnamese Consumers' Impulse Buying Decisions of Live Streaming E-commerce	Mai Quỳnh Thanh Tú	TS. Nguyễn Thị Kiều Trang	
192	Đại học	A study of the impact of Gamification on customer experience in Online shopping environments	Phạm Thị Tú Anh	TS. Nguyễn Thanh Hoài	
193	Đại học	Effect of brand equity on the intention to buy natural cosmetics of generation z women's customers	Lâm Tâm Nhi	ThS. Đào Thị Thu Hường	
194	Đại học	Solutions to complete digital marketing activities for stpower joint stock company	Phan Thị Minh Hiền	Nguyễn Thị Khánh My	
195	Đại học	Factors affect the intention to use biodegradable bags of people in da nang	Huỳnh Thị Hồng Ánh	Thạc sĩ. Vũ Thị Quỳnh Anh	
196	Đại học	Analysis of factors affecting employee satisfaction at work at Vietnam smart city joint stock company (VNSC)	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	TS. Ngô Hải Quỳnh	
197	Đại học	The role of social media marketing to brand awareness in the context of the Covid-19 pandemic: A case study of First real joint stock company	Trần Thị Thúy Trinh	TS. Lê Phước Cửu Long	
198	Đại học	A study on the relationship between service quality and customer satisfaction about Internet services of FPT Telecom joint stock company - Quang Tri branch	Trương Thị Mỹ Khuyên	ThS. Đặng Thị Thanh Minh	

199	Đại học	Determinants of households' intention to choose electricity bill payment service through banks: Evidence from Dak Mil Electricity	Nguyễn Thị Nhã Ca	TS. Lê Thị Minh Đức	
200	Đại học	Research on factors affecting customers' intention to use Cloud Server services at CMC Telecom in Da Nang	Hoàng Văn Chương	ThS. Trương Thị Viên	
201	Đại học	The role of perceived value and customer trust in the engagement of Client: A case study at Joint Stock Company Vietnam Smart Cities (VNSC)	Hoàng Thị Hạnh	TS. Ngô Hải Quỳnh	
202	Đại học	Creating intergrated marketing communication plan for giant sports bikes at Company TNHH DNG Bike	Nguyễn Xuân Hiếu	ThS. Nguyễn Thị Như Quỳnh	
203	Đại học	A study on factors affecting intention to buy "green" skincare cosmetics through social networking sites of Generation Z in Da Nang city	Trần Thị Hiền	TS. Võ Thị Thanh Thảo	
204	Đại học	Intergrated marketing communications plan for individual customer product groups at AIA Exchange Da Nang life insurance company	Nguyễn Đức Tuấn	ThS. Nguyễn Thị Như Quỳnh	
205	Đại học	Evaluating the levels of customer satisfaction with the real estate broker consulting service in Da Nang	Trần Trâm Anh	ThS. Đào Thị Thu Hường	
206	Đại học	Completing E-Marketing activities at Vincent Trading And Service Company Ltd.	Nguyễn Thị Nga	ThS. Vũ Thị Tuyết Mai	
207	Đại học	Developing corporate culture at Dai Hung Joint Stock Company"	Trần Thị Kim Ngân	ThS. Nguyễn Thị Khánh Hà	

208	Đại học	A study on the factors affecting customer loyalty towards may 10 brand in Da Nang	Phạm Thị Nhị	TS. Võ Thị Thanh Thảo	
209	Đại học	Factors affecting customer satisfaction in the virtual supermarket: A case study of Vinmart supermarket in Vietnam	Lê Thị Hồng Nhung	TS. Nguyễn Thanh Hoài	
210	Đại học	The relationship between corporate social responsibility and the purchase intention of customers – case study of telecomunications products and services in Da Nang market	Lê Thị Phương	ThS. Nguyễn Thị khánh Hà	
211	Đại học	Factors influencing the decision to choose English center of The University of Da Nang 's student	Phan Thị Xuân Thắm	TS. Trần Thiện Vũ	
212	Đại học	Perceived risk and its role in the influence of brand awareness, brand trust on purchase intention: A Study of MobiFone customers	Võ Kim Thư	TS. Lê Phước Cửu Long	
213	Đại học	The research on factors leading to customer satisfaction when buying products on website DNGBike.com	Nguyễn Thị Lệ Quyên	ThS. Bùi Trần Huân	
214	Đại học	A study of factors affecting the customer satisfaction to dai hung brick products - Dai Hung joint stock company	Nguyễn Thị Kim Trang	TS. Trần Thảo An	
215	Đại học	Factors affecting purchase intention of sustainable fashion consumer in Vietnam	Ngô Thị Thanh Tiền	TS. Nguyễn Thị Kiều Trang	
216	Đại học	Apply the aida model to create a content marketing strategy for 3c chemical cosmetic joint stock company in 2022-2023.	Bùi Thúy Huyền	ThS. Lê Thị Hải Vân	

217	Đại học	Complete online marketing activities at dé house construction and investment consultancy company limited by aisas model	Trần Thanh Bình	ThS. Lê Thị Hải Vân	
218	Đại học	The impact of TikTok social media influencer marketing on brand attitude of Generation Z in Viet Nam.	Hoàng Thị Kim Chi	TS. Nguyễn Thị Kiều Trang	
219	Đại học	Study the impact of social media on Biti's brand awareness	Nguyễn Thị Thùy Dương	ThS. Trương Thị Viên	
220	Đại học	Factors affecting purchase intention through facebook: the case of dngbike company	Nguyễn Thị Hồng Vinh	TS. Lê Thị Minh Đức	
221	Đại học	A study of factors affecting the customer satisfaction to e-commerce website design services of Tong Luc communication technology co., ltd	Phạm Thị Thùy Linh	TS. Trần Thảo An	
222	Đại học	A study on factors affecting the intention to repeat purchase of Khanh Hoa Salanganes Nest products of consumer in Hue City	Nguyễn Tú Quyên	TS. Văn Hùng Trọng	
223	Đại học	A study on factors affecting the behavior of Danang university's students in using Shopee Pay payment service: A specific case when buying on Shopee	Hoàng Thị Thúy Kiều	TS. Võ Thị Thanh Thảo	
224	Đại học	Analyzing the role of brand image and customer experience in customer loyalty of The Coffee Industry in Buon Ma Thuot	Văn Thị Liên	TS. Ngô Hải Quỳnh	
225	Đại học	A study of factors affecting eWOM-creating Behavior - The case at Vietnam Smart City Joint Stock Company	Trương Thị Diệu Lương	ThS. Đặng Thị Thanh Minh	

226	Đại học	A study of factors affecting customer's intention to continue using mobile banking services at bank ocb- da nang branch context	Trần Minh Phương	Ts. Trần Thảo An	
227	Đại học	Customer satisfaction on the online service at Tong Luc Technology And Communication Company	Trần Thị Hạnh Trinh	Trần Thiện Vũ	
228	Đại học	Study of factors affecting people's intention to use mobile money in da nang	Đặng Mai Ngọc Tường	TS. Văn Hùng Trọng	
229	Đại học	The impacts of e-service quality and consumer trust on intention to use e-marketing services: Focused on Tong Luc communication technology company limited	Nguyễn Thanh Tuyền	TS. Lê Thị Minh Đức	
230	Đại học	Factor affecting e-wom of purchase intention: a case study for gen Z customers when watching tiktok in da nang city	Phan Thị Tường Vi	TS. Văn Hùng Trọng	
231	Đại học	A study on the factors affecting the consumer intention to use internet banking services at Orient Commercial Joint Stock Bank Ocb	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	ThS. Trần Phạm Huyền Trang	
232	Đại học	Research On Customers' Satisfaction When Using Mobile Banking Services Of Hdbank Tam Ky Branch - Quang Nam	Nguyễn Tấn Huy	ThS. Nguyễn Thị Thanh Nhàn	
233	Đại học	Solutions to Enhance Mobile Marketing Activities For Nguyen Thuy Tien Company Limited	Nguyễn Thị Uyển My	TS. Nguyễn Thanh Hoài	
234	Đại học	The Upgrading Online Communication Activities Of Ong Vang Tourist Company	Lương Thị Hoài Thương	ThS. Ngô Thị Hiền Trang	

235	Đại học	Nâng cao hoạt động truyền thông marketing tích hợp cho Công ty TNHH MTV FEC	Nguyễn Đắc Tiếp	ThS. Ngô Thị Hiền Trang	
236	Đại học	The solution to complete the Marketing strategy for Vietnam Smart City Joint Stock Company (Vietnam Smart City)	Nguyễn Thị Hương Giang	ThS. Trần Ngọc Phương Thảo	
237	Đại học	Factors affecting customer's satisfaction on service quality - the case of Tuan Hoa Limited company	Đặng Thị Thanh Trúc	ThS. Huỳnh Bá Thúy Diệu	
238	Đại học	Solutions to improve service quality of The E-Commerce Website At Dngbike Company	Trần Phước Tường Vy	ThS. Bùi Trần Huân	
239	Đại học	Factors affecting the intention to accept cloud server services at cmc telecom of enterprises in da nang city	Hoàng Văn Chương	TS. Lê Phước Cửu Long	
240	Đại học	Factors affecting green consumption intention: a case of vietnamese consumers	Huỳnh Thị Hồng Ánh	TS. Nguyễn Thanh Hoài	
241	Đại học	Solutions to improve customers' intention to use mobile banking at orient commercial joint stock bank	Nguyễn Duy Minh	TS. Lê Phước Cửu Long	
242	Đại học	The influence of service quality on customer satisfaction of internet services at the FPT telecom joint stock company - quang tri branch	Trương Thị Mỹ Khuyên	ThS. Đặng Thị Thanh Minh	
243	Đại học	Complete online marketing activities at dé house construction and investment consultancy company limited by aisas model	Trần Thanh Bình	ThS. Lê Thị Hải Vân	

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp (không có)

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo lần thứ 12 về Công nghệ thông tin và Ứng dụng (CITA 2023)	28~29 tháng 07 năm 2023	Trường Đại học CNTT&TT Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng	150
2	Hội nghị Quốc tế về các công nghệ tiên tiến cho Truyền thông (ATC 2023)	19~21 tháng 10 năm 2023	Trường Đại học CNTT&TT Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng	500

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Nghiên cứu phát triển thiết bị cải thiện chất lượng hình ảnh cho các hệ thống camera thời gian thực trong điều kiện thời tiết xấu dựa trên nền tảng vi mạch khả trình. B2022-DNA- 08	TS. Nguyễn Đức Hiển		01/2022-12/2023	510	
2	Nghiên cứu về định vị trong hệ thống Internet vạn vật sử dụng công nghệ truyền thông ánh sáng khả kiến B2020-DN07-07	TS. Trần Thế Sơn		12/2020-8/2023	147.5	
3	Nghiên cứu sự tác động của mức độ công bố thông tin về trách nhiệm xã hội đến thành quả hoạt động tài chính và phi tài chính của các doanh nghiệp ở Việt Nam B2020-DN07-08	ThS. Lê Hà Như Thảo		12/2020-8/2023	110	
4	Xây dựng thang đo lường động cơ sử dụng dịch vụ siêu thị ảo của người tiêu dùng	TS. Nguyễn Thanh Hoài		12/2021-11/2023	120	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	B2021-DN07-01					
5	Dự đoán lỗi phần mềm dựa trên các mô hình học máy và học sâu B2022-DN07-02	PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình		12/2022-11/2024	60	

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận Đạt/Không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt – Hàn						
2	Ngành Quản trị kinh doanh	08/2023 (dự kiến)					
3	Ngành Công nghệ thông tin	08/2023 (dự kiến)					
4	Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính	08/2023 (dự kiến)					

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP	PHÒNG KT&ĐBCLGD	KT. HIỆU TRƯỞNG
Phan Thị Quỳnh Thy	TS. Lê Hà Như Thảo	TS. Trần Thế Sơn

Biểu mẫu 19

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục năm học 2023 - 2024

A. Công khai về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m^2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng				
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	215.000m^2	x		
b	Phân hiệu tại …				
c	Cơ sở 2 tại …				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học				
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	19.500m^2	x		
b	Phân hiệu tại …				
c	Cơ sở 2 tại …				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm							
2	Phòng thực hành	49	Giảng dạy thực hành	Sinh viên, giảng viên	4.550 m^2	x		
3	Xưởng thực tập							
4	Nhà tập đa năng (trung tâm sinh viên)	1	Phục vụ các hoạt động thể thao của Trường	Sinh viên, cán bộ viên chức	7.314,6m^2	x		
5	Hội trường (khu V và khu K)	2	Phục vụ hoạt	Sinh viên, cán bộ	655 m^2	x		

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			động chung	viên chức				
6	Phòng học	65	Giảng dạy lý thuyết	Sinh viên, giảng viên	5.985 m^2	x		
7	Phòng học đa phương tiện …							
8	Trung tâm học liệu và truyền thông	1	Lưu trữ giáo trình và tài liệu tham khảo	Sinh viên, cán bộ viên chức	1000 m^2	x		
9	Thư viện …							
10	Các phòng chức năng khác	27	Phòng làm việc	Cán bộ viên chức	2.742 m^2	x		

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	
		Đầu sách	Bản sách
1	Số phòng đọc	03	
2	Số chỗ ngồi đọc	184	
3	Số máy tính của thư viện	13	
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí):		
	- Số đầu sách	6.811	
	- Đồ án tốt nghiệp	2.224	
	- Luận văn thạc sĩ	17	
	- Luận án tiến sĩ	21	
	- Đề tài NCKH	75	
	- Tập san chuyên đề khoa học giáo dục	9	1.353
	- Đĩa CD-DVD các loại		1.001
	- Báo, tạp chí	43	1.078
	- Tài liệu điện tử	1.406	
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường		

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	47,99 m^2/sinh viên
2	Diện tích sàn/sinh viên	4,35 m^2/sinh viên

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP	PHÒNG KT&ĐBCLGD	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Phan Thị Quỳnh Thy	TS. Lê Hà Như Thảo	TS. Trần Thế Sơn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN

Biểu mẫu 20

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học năm học 2023 - 2024

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	**Tổng số**											
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành I											
	Ngành …											
b	Khối ngành II											
	Ngành …											
c	Khối ngành III											
	Ngành Quản trị kinh doanh	43			11	31	1			42	1	
d	Khối ngành IV											
	Ngành …											
e	Khối ngành V											
	Ngành Công nghệ thông tin	63		2	22	39	2			58	3	2
	Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính	16			10	6				15	1	
g	Khối ngành VII											
	Ngành …											
h	Khối ngành VIII											

TT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Ngành …											
2	Giảng viên cơ hữu môn chung											

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
I	**Khối ngành III**					
1	Lê Phước Cửu Long	1982	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
2	Nguyễn Thị Kiều Trang	1983	Nữ	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
3	Nguyễn Thị Khánh Hà	1982	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
4	Vũ Thị Quỳnh Anh	1987	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
5	Nguyễn Thanh Hoài	1986	Nữ	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
6	Vũ Thị Tuyết Mai	1988	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
7	Nguyễn Thị Như Quỳnh	1987	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
8	Nguyễn Thị Thảo Nhi	1992	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
9	Trần Phạm Huyền Trang	1986	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
10	Trương Thị Viên	1982	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
11	Nguyễn Thị Kim Ánh	1982	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
12	Huỳnh Bá Thúy Diệu	1982	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
13	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	1988	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
14	Ngô Thị Hiền Trang	1988	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
15	Nguyễn Thị Thu Đến	1985	Nữ	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
16	Lê Thị Hải Vân	1983	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
17	Ngô Hải Quỳnh	1981	Nữ	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
18	Đinh Nguyễn Khánh Phương	1986	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
19	Võ Thị Thanh Thảo	1990	Nữ	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
20	Trần Ngọc Phương Thảo	1988	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
21	Văn Hùng Trọng	1986	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
22	Trần Thiện Vũ	1983	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
23	Nguyễn Thị Khánh My	1990	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
24	Trần Thị Mỹ Châu	1979	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
25	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1989	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
26	Đào Thị Thu Hường	1989	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
27	Đặng Thị Thanh Minh	1990	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
28	Trần Lương Nguyệt	1987	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
29	Bùi Trần Huân	1981	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
30	Đặng Vinh	1971	Nam	Giảng viên chính	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
31	Trần Thị Thúy Trinh	2000	Nữ	Trợ giảng	Đại học	Quản trị kinh doanh
32	Vũ Thành Nhân	1996	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
33	Dương Thị Thu Trang	1986	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
34	Nguyễn Thị Kim Ngọc	1979	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
35	Nguyễn Linh Giang	1984	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
36	Trương Hoàng Tú Nhi	1989	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
37	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	1990	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
38	Lê Thị Minh Đức	1983	Nữ	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
39	Lê Hà Như Thảo	1988	Nữ	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
40	Vũ Thu Hà	1984	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
41	Nguyễn Thị Thu Ngân	1989	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
42	Nguyễn Hà Phương	1991	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
43	Nguyễn Thị Mai	1984	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
II	**Khối ngành V**					
1	Nguyễn Đức Hiển	1973	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
2	Đặng Đại Thọ	1978	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
3	Lê Thị Thu Nga	1976	Nữ	Giảng viên chính	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
4	Nguyễn Văn Lợi	1979	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
5	Nguyễn Thanh Cẩm	1974	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
6	Trần Văn Đại	1979	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
7	Trịnh Thị Ngọc Linh	1979	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
8	Lê Tân	1970	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
9	Nguyễn Thanh	1970	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
10	Đỗ Công Đức	1971	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
11	Hồ Văn Phi	1980	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
12	Lương Khánh Tý	1984	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
13	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	1984	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
14	Nguyễn Thu Hương	1984	Nữ	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
15	Ngô Lê Quân	1982	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
16	Mai Lam	1987	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
17	Dương Thị Mai Nga	1983	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
18	Phạm Tuấn Anh	1987	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
19	Lê Đình Nguyên	1990	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
20	Lý Quỳnh Trân	1981	Nữ	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
21	Lê Thành Công	1983	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
22	Võ Văn Lường	1983	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
23	Đặng Thị Kim Ngân	1989	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
24	Nguyễn Đỗ Công Pháp	1989	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
25	Trần Uyên Trang	1979	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
26	Nguyễn Thanh Tuấn	1981	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
27	Phan Đăng Thiếu Hiệp	1981	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
28	Trần Thị Thuý Ngọc	1980	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
29	Nguyễn Trọng Công Thành	1977	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
30	Trần Thị Hạ Quyên	1980	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
31	Nguyễn Hoàng Hải	1986	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
32	Nguyễn Sĩ Thìn	1988	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
33	Lê Văn Minh	1983	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
34	Võ Ngọc Đạt	1980	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
35	Lê Viết Trương	1971	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
36	Nguyễn Văn Bình	1982	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
37	Hoàng Nguyên Vũ	1984	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
38	Nguyễn Thị Thanh Thúy	1988	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
39	Huỳnh Công Pháp	1977	Nam	Giảng viên cao cấp	PGS.TS	Công nghệ thông tin
40	Nguyễn Thanh Bình	1975	Nam	Giảng viên cao cấp	PGS.TS	Công nghệ thông tin
41	Phạm Nguyễn Minh Nhựt	1972	Nam	Giảng viên chính	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
42	Huỳnh Ngọc Thọ	1982	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
43	Hà Thị Minh Phương	1986	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
44	Nguyễn Quang Vũ	1975	Nam	Giảng viên chính	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
45	Trần Đình Sơn	1974	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
46	Võ Hùng Cường	1987	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
47	Lê Tự Thanh	1973	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
48	Huỳnh Nguyễn Ngọc Linh	1980	Nữ	Giảng viên	Đại học	Công nghệ thông tin
49	Phan Thị Hồng Việt	1993	Nữ	Giảng viên	Đại học	Công nghệ thông tin
50	Dương Thị Phượng	1976	Nữ	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
51	Võ Thị Thanh Ngà	1980	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
52	Trần Thị Thùy Liên	1986	Nữ	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
53	Phạm Trần Mộc Miêng	1984	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
54	Lê Thị Kim Tuyến	1984	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
55	Trần Văn Thái	1984	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
56	Lương Xuân Thành	1985	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
57	Nguyễn Thị Phương Thảo	1985	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
58	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	1981	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
59	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	1985	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
60	Nguyễn Quốc Thịnh	1978	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
61	Hồ Thị Hồng Liên	1983	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
62	Trần Thị Bích Hòa	1984	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
63	Nguyễn Thị Tuyết	1986	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
64	Nguyễn Vũ Anh Quang	1981	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật máy tính
65	Đặng Quang Hiển	1980	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật máy tính
66	Dương Hữu Ái	1980	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật máy tính
67	Phan Thị Lan Anh	1987	Nữ	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật máy tính
68	Vương Công Đạt	1987	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật máy tính
69	Nguyễn Thị Huyền Trang	1986	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật máy tính
70	Ninh Khánh Chi	1983	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật máy tính
71	Hoàng Hữu Đức	1975	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật máy tính
72	Lê Kim Trọng	1987	Nam	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật máy tính
73	Nguyễn Vũ	1983	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật máy tính
74	Phan Thị Quỳnh Hương	1988	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật máy tính
75	Nguyễn Hữu Nhật Minh	1990	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật máy tính
76	Dương Ngọc Pháp	1986	Nam	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật máy tính
77	Trần Thu Thuỷ	1984	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật máy tính
78	Trần Thế Sơn	1972	Nam	Giảng viên chính	Tiến sĩ	Mạng máy tính và truyền thông
79	Trần Thị Trà Vinh	1977	Nữ	Giảng viên	Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử, viễn thông

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

STT	Khối ngành	Tỷ lệ sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	27,4=1178/43
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	41,8=3302/79
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP	PHÒNG KT&ĐBCLGD	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Phan Thị Quỳnh Thy	TS. Lê Hà Như Thảo	TS. Trần Thế Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Biểu mẫu 21

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN

THÔNG BÁO

Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2023 – 2024 (dự kiến)	Dự kiến học phí/1SV cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ			
	Khối ngành …	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ			
	Khối ngành …	Triệu đồng/năm		
3	Đại học			
	Khối ngành máy tính và công nghệ thông tin (Hệ Kỹ sư)	Triệu đồng/năm	14,541	65,435
	Khối ngành máy tính và công nghệ thông tin (Hệ Cử nhân)	Triệu đồng/năm	16,275	65,100
	Khối ngành Kinh doanh và quản lý	Triệu đồng/năm	12,663	50,652
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ			
	Khối ngành …	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ			
	Khối ngành …	Triệu đồng/năm		
3	Đại học			
	Khối ngành …	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành …	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành …	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
	Đại học			
	Khối ngành …	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành …	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành …	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm 2023 (dự kiến)			
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	25,000	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2023 – 2024 (dự kiến)	Dự kiến học phí/1SV cả khóa học
2	Từ học phí	Tỷ đồng	54,378	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	4,542	

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP	PHÒNG KT&ĐBCLGD	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Phan Thị Quỳnh Thy	TS. Lê Hà Như Thảo	TS. Trần Thế Sơn